**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: TIN HỌC 6**

**I. TRẮC NGHIỆM**

Khoanh tròn vào đáp án đúng

**Câu 1. Khi dùng Internet, nguy cơ nào có thể xảy ra?**

A. Hư hỏng màn hình máy tính.

B. Tốn chi phí cao để cập nhật phần mềm.

C. Thông tin cá nhân bị lộ hoặc bị đánh cắp

D. Máy tính bị chậm khi chơi game trực tuyến.

**Câu 2. Việc làm nào được khuyến khích khi sử dụng các dịch vụ trên Internet?**
A. Đưa thông tin cá nhân lên các trang mạng xã hội.

B. Đăng kí một lớp học tiếng Anh trên mạng.

C. Tải phần mềm miễn phí trên Internet không có kiểm duyệt.

D. Mở thư điện tử và liên kết đến địa chỉ web không rõ nguồn gốc.

**Câu 3. Các lệnh định dạng đoạn văn bản nằm trong nhóm lệnh nào trên phần mềm soạn thảo?**
A. Page Layout.
B. Design.
C. Paragraph.
D. Font.

**Câu 4. Việc trình bày thông tin ở dạng bảng giúp em:**
A. Sắp xếp thông tin một cách hợp lí.
B. Sắp xếp thông tin được gọn gàng, đẹp mắt.
C. Dễ dàng gửi thông tin qua thư điện tử.
D. Dễ dàng tìm kiếm, so sánh và tổng hợp thông tin.

**Câu 5. Thuật toán có thể được mô tả bằng:**
A. Ngôn ngữ viết.
B. Ngôn ngữ kí hiệu.
C. Ngôn ngữ logic toán học.
D. Ngôn ngữ tự nhiên (liệt kê các bước) và sơ đồ khối.
**Câu 6. Sơ đồ tư duy là**
A. Một bảng dữ liệu gồm các con số và kí tự đặc biệt.
B. Một bản đồ gốm các mũi tên chỉ dẫn thông tin.
C. Một sơ đồ phần luồng thông tin.
D. Một phương pháp trình bày thông tin một cách trực quan bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh và các đường nối.

**Câu 7. Trong phần mềm soạn thảo, các lệnh định dạng văn bản được chia thành:**

A. Định dạng kí tự, định dạng trang và định dạng bảng biểu.
B. Định dạng đoạn văn bản, định dạng trang và định dạng bảng biểu.
C. Định dạng kí tự, định dạng trang, định dạng bảng biểu.
D. Định dạng kí tự, định dạng đoạn văn bản và định dạng trang.

**Câu 8:** Công cụ nào trong chương trình soạn thảo văn bản Word cho phép tìm nhanh các cụm từ trong văn bản và thay thế cụm từ đó bằng một cụm từ khác?

A. Lệnh Replace trong bảng chọn Edit.

B. Lệnh Find trong bảng chọn Edit.

C. Lệnh Find and Replace… trong bảng chọn Edit.

D. Lệnh Search trong bản chọn File.

**Câu 9. Ngoài cách mô tả bằng ngôn ngữ tự nhiên, thuật toán còn có thể được mô tả bằng:**
A. Sơ đồ khối.
B. Sơ đồ tư duy.
C. Bảng biểu.
D. Sơ đồ cây.

**Câu 10. Sơ đồ khối của thuật toán bao gồm:**
A. Các khối và đường nhánh.
B. Khối chính và các khối phụ.
C. Các hình mô tả các bước và đường có mũi tên để chỉ trình tự thực hiện các bước.
D. Các khối được lắp ghép theo trình tự.

**Câu 11. Trong cấu trúc lặp bao giờ cũng có:**
A. Khâu đặt điều kiện rẽ nhánh.
B. Khâu kiểm tra điều kiện kết thúc quá trình lặp.
C. Khâu kết thúc tuần tự.
D. Khâu kiểm tra điểu kiện rẽ nhánh.

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Bài toán: Tính tổng 2 số tự nhiên A, B.

a. Xác định đầu vào, đầu ra của bài toán.

b. Sử dụng sơ đồ khối mô tả thuật toán của bài toán trên.

**Câu 2:** Có mấy loại cấu trúc rẽ nhánh? Kể tên và vẽ sơ đồ khối của các loại cấu trúc đó.

**Câu 3:**Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô thích hợp của bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phát biểu** | **Đúng(Đ)/Sai (S)** |
| a) Công cụ “Find” giúp tìm thấy tất cả các từ cần tìm trong văn bản |  |
| b) Nên cẩn trọng trong khi sử dụng lệnh “Replace All” vì việc thay thế tất cả các từ có thể làm nội dung văn bản không chính xác |  |
| c) Để thay thế lần lượt từng từ hoặc cụm từ được tìm kiếm em sử dụng nút “Replace” |  |
| d) Để thực hiện chức năng tìm kiếm văn bản, em chọn lênh Find trong thẻ View |  |